

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v cung cấp Gas LPG và amoniac (NH₃)

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

Hợp đồng số: /HĐKT/2025/CSBL-

Gợi đầu:

- Căn cứ : Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ : Bộ luật thương mại ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV cao su Bình Long

Địa chỉ: QL 13 - Phường Hưng Chiến – TX Bình Long – tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 02713 666 185 – 06513 666 234

Fax: 02713 666 222

E-mail: blrc@binhlongrubber.vn

Tài khoản: 5603201000332 tại ngân hàng NN và PTNT CN Bình Long Bình Phước

Mã số thuế: 38 001 001 68

Đại diện là ông/bà: Hoàng Văn Xuyên

Chức vụ: Tổng giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu :

Địa chỉ:.

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:.

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết theo danh mục như sau :

TT	Tên/chủng loại hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú
1				
2				

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 4 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Đền bù thiệt hại toàn bộ các chi phí cho bên A khi hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng tại điều 1, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của bên A.

Bên B có trách nhiệm thu hồi lại bồn chứa sản phẩm khi bên A sử dụng xong và xử lý theo quy định.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: VND (Bằng chữ: đồng) đã bao gồm VAT.

Bao gồm:

-

Tổng cộng: ... VND

2. Phương thức thanh toán:

Thanh toán 100 % giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản cho bên B trong vòng 90 ngày khi bên B hoàn thành việc giao hàng và hoàn thành các thủ tục thanh toán theo quy định.

- Hồ sơ thanh quyết toán:
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kiểm nhận vật tư bên A, phiếu nhập kho bên A, phiếu xuất kho bên B

Điều 5. Hình thức hợp đồng:

Hình thức hợp đồng: trọn gói, giá hợp đồng không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian và tiến độ thực hiện: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Giao hàng trong vòng 02 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và yêu cầu giao hàng của bên A. Cứ trễ 01 ngày giao hàng bên B sẽ bị bên A phạt 1% giá trị hợp đồng, tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị hợp đồng.

Sau 8 ngày giao hàng trễ mà bên B chưa hoàn thành việc giao hàng, Bên A sẽ mua của nhà cung cấp khác và hợp đồng này không còn giá trị, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Số hàng bên B đã giao cho bên A: bên A có toàn quyền sử dụng và không thanh toán cho bên B số hàng đã giao này.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 05 ngày sau khi có quyết định trúng thầu.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tiền mặt hoặc chứng thư bảo lãnh của ngân hàng
- Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 10 % giá hợp đồng. Bằng số: ... VND (bằng chữ: đồng).
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn; Và thuộc phạm vi giao hàng của điều 6 khi bên B giao hàng trễ quá 8 ngày.

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng của bên B và có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Trong trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng và hàng hóa đã được bên A đưa vào sản xuất bên A có quyền sử dụng trong bất kỳ trường hợp nào.

Điều 10. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ như hợp đồng này và cung cấp theo tiến độ nêu trong hồ sơ dự thầu, cụ thể là: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, hướng dẫn sử dụng.

- Bốc xếp bên B.

- Địa điểm cung cấp: Các XNCKCB - Công ty TNHH MTV cao su Bình Long

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 11. Quy định về sử dụng và đổi trả hàng hóa:

1. Khi bên B giao hàng, bên A có quyền sử dụng hàng hóa bên B đã giao (không chờ giao đủ hàng hóa và kết quả nghiệm thu đạt chất lượng) .

2. Khi hàng hóa không đạt chất lượng như tại điều 1 và bên A đã sử dụng số hàng hóa này, bên A có quyền từ chối thanh toán số hàng hóa đã sử dụng. Đền bù toàn bộ thiệt hại do hàng hóa không đạt chất lượng cho bên A theo thiệt hại thực tế thiệt hại của bên A.

3. Khi bên chủ đầu tư thông báo cho bên B là hàng hóa không đạt chất lượng: Bên B phải có trách nhiệm đổi trả toàn bộ hàng hóa không đạt chất lượng trong vòng 05 ngày. Hình thức đổi trả như sau: bên B chở số hàng hóa đạt chất lượng đến nơi nhận hàng, xuống hàng hóa và bốc số hàng hóa không đạt chất lượng về đúng bằng số hàng hóa đem lên đổi trả. Toàn bộ chi phí này do bên B chịu. Sau khi đổi trả xong bên B sẽ mời bên A nghiệm thu chất lượng hàng hóa theo quy định. Thời gian đổi trả này được tính vào thời gian giao hàng.

Điều 12. Xử lý khi hàng hóa không đạt về chất lượng:

Trường hợp kết quả kiểm định không đạt chất lượng quy định tại điều 1:

1. Phạt 8% giá trị hợp đồng.

2. Trả lại hàng hóa đã giao không đạt yêu cầu về chất lượng (không bao gồm hàng hóa đã sử dụng), bên B có trách nhiệm đổi lại số hàng hóa trong vòng 05 ngày kể từ ngày thông báo của bên A, toàn bộ chi phí này do bên B chịu.

Hình thức đổi trả như sau: bên A giao hàng khác lên cho bên A, bốc dỡ xuống kho của bên A, sau đó nhận đúng số lượng hàng đã đổi ra khỏi kho của bên A. Hai bên ký biên bản giao trả hàng hóa không đạt chất lượng.

3. Đền bù thiệt hại toàn bộ các chi phí cho bên A khi hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng tại điều 1 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của bên A

Điều 12. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 20 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại trung tâm trọng tài Quốc Tế (VIAC) bên cạnh phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tại TP Hồ Chí Minh theo những điều luật của tổ chức này. Quyết định của trọng tài Quốc Tế (VIAC) là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải tuân thủ. Mọi phí tổn do bên thua chịu.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Khi bên B giao xong hàng hóa quy định trong hợp đồng, bên A thanh toán xong cho bên B thì hợp đồng coi như được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 02 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B